

Bản án số: 53/2025/HC-PT
Ngày 13 tháng 01 năm 2025
V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính
và hành vi hành chính*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Nguyễn Văn Tửu

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 1061/2024/TLPT-HC ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2024/HC-ST ngày 28/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3487/2024/QĐPT-HC ngày 11/12/2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trịnh Ngọc V, sinh năm 1970; Nơi thường trú: Tổ A, khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở hiện nay: Khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, (có mặt)

Đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện: Ông Trần Hồng T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Khu phố 1, phường Tân Thành, thành phố Đồng Xoài, Bình Phước, (có mặt).

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; Địa chỉ: Số A đường P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, (có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Văn K, chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ, (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. UBND thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; Địa chỉ: Số A đường P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Văn K, chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ, (xin xét xử vắng vắng mặt).

2. UBND phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; Địa chỉ: Khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Văn K, chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ, (xin xét xử vắng vắng mặt).

3. Phòng Quản lý đô thị thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; Địa chỉ: Đường I tháng F, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo uỷ quyền: ông Đặng Hà B, chức vụ: Phó Trưởng phòng quản lý Đô Thị thành phố Đ, (xin xét xử vắng vắng mặt).

4. Bà Lưu Thị C, sinh năm 1977; Nơi thường trú: Tổ A, khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở hiện nay: Khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là ông Trịnh Ngọc V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2023, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 28/11/2023 và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Trịnh Ngọc V trình bày:*

Năm 2003, ông Trịnh Ngọc V nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Khắc C1 có diện tích khoảng 2.500m² tại phường T, thị xã (nay là thành phố) Đ, tỉnh Bình Phước, trên đất có trồng toàn bộ cây điều. Đất có tứ cận và kích thước: - Phía đông: Tiếp giáp phần đất cơ quan Công an phường, chiều dài 100m; - Phía tây: Tiếp giáp phần đất ông Sáu K1 sử dụng, chiều dài 100m; - Phía nam: Tiếp giáp phần đất của ông N, chiều dài 25m; - Phía bắc: Tiếp giáp phần đất cơ quan Chi Cục Kiểm lâm, chiều dài 25m; Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông V và ông C1 được lập thành Giấy bán đất ghi ngày 12/11/2003 và cùng ký tên.

Ngày 18/9/2013, hộ gia đình ông V được (UBND thị xã Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số: BH 674323, vào sổ cấp GCN số: CH 04907/QSDĐ 2892/QĐUB ngày 18/9/2013; ông V là người đại diện hộ gia đình đứng tên người sử dụng.

Gia đình ông V sử dụng đất, chăm sóc, thu hoạch điều, cải tạo đất, xây dựng nhà ở, xây dựng hàng rào, xây dựng cơ sở sửa chữa, cải tạo ô tô,... từ khoảng năm 2004. Đến năm 2013, gia đình ông V làm nhà mới, sửa sang lại các công trình và cư trú cho đến nay, không có tranh chấp, không có bất kỳ cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào có ý kiến hay ngăn cản.

Tuy vậy, ngày 05/12/2022, UBND phường T cho rằng ông V làm hàng rào trên đất công thuộc Khu L nên đã lập biên bản vi phạm đối với ông V.

Ngày 15/12/2023, UBND thành phố Đ căn cứ Điều 57, Điều 67, Điều 70, Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi bổ sung năm 2020); Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Biên bản vi phạm hành chính số 08/BB-VPHC do UBND phường T lập hồi 10 giờ 05 phút ngày 05/12/2022; Quyết định số 4826/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính cho cấp Phó và căn cứ theo đề nghị của Chủ tịch UBND phường T tại Tờ trình số 111/TTr-UBND ngày 06/12/2022.

UBND thành phố Đ nhận định: “Ông V đã có các hành vi vi phạm hành chính sau: Lấn, chiếm đất phi nông nghiệp (Khu đất công Lâm trường S (cũ) theo Quyết định số 4007/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 của UBND thành phố Đ về việc điều chỉnh Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND thành phố Đ về việc phê duyệt tổng thể mặt bằng phân lô khu đất công tại Lâm trường S (cũ)) với diện tích 43m²” và ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 2781/QĐ-XPVPHC ngày 15/12/2022, hình thức xử phạt chính: Phạt tiền 30.000.000 đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

Việc UBND thành phố Đ ra quyết định xử phạt hành chính ông V là hoàn toàn không đúng quy định của pháp luật, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông V vì các lý do:

Thứ nhất, ngày 05/12/2022, UBND phường T lập Biên bản vi phạm hành chính đối với ông V về hành vi lấn chiếm đất phi nông nghiệp là không đúng vì ông V là người nhận chuyển nhượng đất, tài sản trên đất (cây điều) có tứ cận, ranh mốc, kích thước của ông Nguyễn Khắc C1 và ông V sử dụng đúng diện tích, không có tranh chấp, không có sự cản trở của tổ chức hay cá nhân nào từ khi ông V nhận chuyển nhượng.

Thứ hai, ông V đã và đang sử dụng diện tích đất ông V nhận chuyển nhượng từ năm 2003 thì chính quyền địa phương là UBND phường T phải biết. UBND thành phố Đ lập quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 phân lô Khu đất công tại Lâm trường S (cũ) tại Quyết định số: 1522/QĐ- UBND ngày 08/6/2020 và điều chỉnh tại Quyết định số: 4007/QĐ-UBND ngày 04/12/2020; khu đất được thành lập bản đồ địa chính, được Sở Tài nguyên và Môi trường nghiệm thu phê duyệt ngày 28/12/2020 thì phải tiến hành các thủ tục thu hồi đất đúng theo quy định của pháp luật về đất đai. Tuy nhiên, ông V không biết gì về việc UBND thành phố Đ thực hiện các quy trình trên, trong khi đó, công trình nhà cửa, rào, ông V đã xây dựng từ trước.

Việc UBND thành phố Đ tiến hành lập quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500, phân lô Khu đất công tại Lâm trường S (cũ) tại Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 và điều chỉnh tại Quyết định số 4007/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 trong đó có cả 1 phần diện tích đất khoảng 1.200m² đất ông V đã và đang sử dụng nhưng ông V không biết, không nhận được bất kỳ một thông tin gì là hoàn toàn trái quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật liên quan.

Thứ ba, khi thực hiện dự án khu đất công Lâm trường S, các cơ quan chức năng không tiến hành xác minh về nguồn gốc đất và quá trình ông V, gia đình

ông V sử dụng đất, thu thập thông tin thực tế việc ông V sử dụng đất hay không, sử dụng đến đâu, sử dụng như thế nào, tứ cận ra sao; không tiến hành xác minh thông qua những hộ liền kề, giáp ranh và người thân của ông Nguyễn Khắc C1 là người bán đất cho ông V (vì ông C1 đã chết) để tìm hiểu rõ từ khi mua đất đến nay ông V có lấn chiếm của ai hay không ... mà lại nhận định ông V vi phạm trong sử dụng đất vào thời điểm từ năm 2020 là hoàn toàn không khách quan, phiến diện.

Thứ 4, ông V đề nghị UBND xác minh nguồn gốc và quá trình sử dụng đất cũng như việc quy hoạch đất để xác định diện tích đất ông V sử dụng bị thu hồi hay không, bị thu hồi bao nhiêu, hộ gia đình ông V thuộc đối tượng bị thu hồi đất và nhà nước giải quyết hậu quả pháp lý của việc thu hồi đất hay không nhưng UBND phường T chỉ áp dụng các văn bản có tính chất quy hoạch đất và xác định rằng ông V có lỗi trong sử dụng đất (làm hàng rào trên phần đất đang sử dụng) và cho rằng ông V lấn chiếm đất công là trái quy định trong quản lý và sử dụng đất. Đồng thời, UBND phường T tham mưu cho UBND thành phố Đ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 2781/QĐ-XPVPHC ngày 15/12/2022, xử phạt ông V số tiền 30.000.000 đồng là hoàn toàn trái quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai và cũng đã ảnh hưởng, thiệt hại rất lớn đối với ông V và gia đình ông V.

Sau đó, ông V đã nộp đơn đề nghị xác minh nguồn gốc và quá trình sử dụng đất đối với Thửa đất có diện tích khoảng 2.500m² tại phường T, thị xã (nay là thành phố) Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước đến Ủy ban nhân dân thành phố Đ. Ngày 09/3/2023, UBND thành phố Đ đã ban hành văn bản số 550/UBND-TD về việc trả lời nội dung đề nghị của ông Trịnh Ngọc V, trong đó có nội dung: "Ngày 06/01/2023, UBND phường T đã phối hợp cùng phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Quản lý đô thị, Trung tâm phát triển quỹ đất, Chi nhánh Văn phòng Đ kiểm tra, xác minh nguồn gốc đất theo đơn đề nghị của ông V. Qua đó xác định, thửa đất số 15 (lô 1), Bản đồ khu lâm trường Suối Nhung (cũ) là thửa đất công nhà nước quản lý, năm 2020 được UBND thành phố Đ lập quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 phân lô Khu đất công tại Lâm trường S (cũ) tại Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 và điều chỉnh tại Quyết định số 4007/QĐ-UBND ngày 04/12/2020; khu đất được thành lập bản đồ địa chính, được Sở Tài nguyên và Môi trường nghiệm thu phê duyệt ngày 28/12/2020 và đã được bàn giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố quản lý.

Việc ông Trịnh Ngọc V đề nghị xác minh nguồn gốc và quá trình sử dụng đất để ông có thể tiếp tục sử dụng thửa đất nêu trên là không có cơ sở để giải quyết. Yêu cầu ông V chấp hành biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm hành chính tại Quyết định số 2781/QĐ-XPVPHC ngày 15/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ".

Không đồng ý với các quyết định hành chính trên của Chủ tịch UBND thành phố Đ cũng như UBND thành phố Đ. Do đó ông V nộp đơn khởi kiện, yêu cầu như sau:

- Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 2781/QĐ-XPVPHC

ngày 15/12/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Đ, tỉnh Bình Phước đối với ông Trịnh Ngọc V;

- Huỷ văn bản số 550/UBND-TD ngày 09/3/2023 của UBND thành phố Đ, tỉnh Bình Phước về việc trả lời nội dung đề nghị của ông Trịnh Ngọc V.

* *Tại Văn bản số 782/UBND-NC ngày 08/3/2023 và quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố Đ, UBND thành phố Đ trình bày:*

1. Đối với nội dung hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2781/QĐ-XPVPHC ngày 15/12/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Đ với ông Trịnh Ngọc V.

1.1. Nội dung vụ việc vi phạm hành chính của ông Trịnh Ngọc V:

Thửa đất số 15 (lô A), Bản đồ khu lâm trường Suối Nhung (cũ) là thửa đất công nhà nước quản lý. Ngày 08/6/2020, UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 1522/QĐ-UBND về việc lập quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 phân lô Khu đất công tại Lâm trường S (cũ) và được điều chỉnh tại Quyết định số 4007/QĐ-UBND ngày 04/12/2020; khu đất được thành lập bản đồ địa chính, được Sở Tài nguyên và Môi trường nghiệm thu phê duyệt ngày 28/12/2020 và đã được bàn giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố quản lý. Ngày 05/12/2022, UBND phường T phối hợp cùng Phòng Quản lý đô thị thành phố kiểm tra phát hiện ông Trịnh Ngọc V xây dựng công trình hàng rào (hiện trạng: Móng gạch, cột gạch (11 cột), tường xây gạch cao 1m; diện tích: $9,7m + 25m + 8,3m = 43m^2$) trên đất công tại thửa đất nêu trên. Cùng ngày, Ủy ban nhân dân phường T đã lập biên bản vi phạm hành chính số 08/BB-VPHC đối với ông Trịnh Ngọc V về hành vi "Lấn, chiếm đất phi nông nghiệp (Khu đất công Lâm trường S (cũ) theo Quyết định số 4007/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 về việc điều chỉnh Quyết định số 1522/QĐ- UBND ngày 08/6/2020 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể mặt bằng phân lô khu đất công tại Lâm trường S (cũ)) với diện tích $43m^2$ ".

Ngày 06/12/2022, UBND phường T có Tờ trình số 111/Ttr- UBND tham mưu UBND thành phố ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2781/QĐ-XPVPHC ngày 15/12/2022 đối với ông Trịnh Ngọc V về hành vi "Lấn, chiếm đất phi nông nghiệp (Khu đất công Lâm trường S (cũ) theo Quyết định số 4007/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 về việc điều chỉnh Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể mặt bằng phân lô khu đất công tại Lâm trường S (cũ)) với diện tích $43m^2$ " quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ, trong đó hình phạt chính: Phạt tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng); biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc ông Trịnh Ngọc V khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm (phá dỡ toàn bộ công trình diện tích $43m^2$ xây dựng trên đất công) và buộc trả lại đất đã lấn, chiếm trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định xử phạt, quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

1.2. Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định số 2781/QĐ-XPVPHC ngày 15/12/2022 của Chủ tịch UBND thành phố về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trịnh Ngọc V:

Thửa đất số 15 (lô A), Bản đồ khu lâm trường Suối Nhung (cũ) là thửa đất công, được UBND thành phố Đ lập quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 phân lô Khu đất công tại Lâm trường S (cũ) tại Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 và được điều chỉnh tại Quyết định số 4007/QĐ-UBND ngày 04/12/2020; khu đất được lập bản đồ địa chính, được Sở T1 nghiệm thu phê duyệt ngày 28/12/2020 và đã được bàn giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố quản lý. Việc ông Trịnh Ngọc V thực hiện hành vi xây dựng hàng rào tại thửa đất nêu trên là không đúng quy định, vi phạm điểm a khoản 4 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai.

UBND phường T phối hợp với Phòng Q kiểm tra phát hiện ông Trịnh Ngọc V vi phạm hành chính ngày 05/12/2022 và tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính số 08/BB-VPHC ngày 05/12/2022 là đúng quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020); Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính; Biên bản vi phạm hành chính được lập theo Mẫu biên bản số 01 theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ. Sau khi lập Biên bản vi phạm hành chính và thu thập hồ sơ, Ủy ban nhân dân phường T có Tờ trình số 111/TTr-UBND ngày 06/12/2022 đề nghị Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trịnh Ngọc V.

- Ngày 15/12/2022, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 2781/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trịnh Ngọc V.

Thời hạn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trịnh Ngọc V là đúng quy định tại Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Khoản 34 Điều 1 Luật xử lý vi phạm hành chính sửa đổi, bổ sung năm 2020.

- Về thẩm quyền: Căn cứ khoản 5 Điều 14, khoản 2 Điều 38 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về đất đai; khoản 2 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; điểm b khoản 73 Điều 1 Luật xử lý vi phạm hành chính sửa đổi, bổ sung năm 2020, quy định Chủ tịch UBND cấp huyện có thẩm quyền xử phạt đến 100.000.000đ đối với cá nhân và 200.000.000đ đối với tổ chức. Do đó, hành vi vi phạm hành chính của ông Trịnh Ngọc V thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND thành phố Đ.

Chủ tịch UBND thành phố Đ đã giao quyền xử phạt vi phạm hành chính cho Phó Chủ tịch UBND thành phố V (Quyết định giao quyền số 4826/QĐ-GQXP ngày 30/12/2021) là đúng quy định tại Điều 54 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; khoản 28 Điều 1 Luật xử lý vi phạm hành chính sửa đổi, bổ sung năm 2020; Điều 10 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ.

2. Đối với nội dung hủy Văn bản số 550/UBND-TD ngày 09/3/2023 của UBND thành phố Đ về việc trả lời nội dung kiến nghị của ông Trịnh Ngọc V.

Ngày 13/12/2022, tại buổi tiếp công dân định kỳ của Bí thư Thành ủy Đ, ông Trịnh Ngọc V kiến nghị như sau:

Năm 2003, ông V nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Khắc C1 một thửa đất có diện tích khoảng 2.500m² tại phường T, trên đất có trồng cây điều, ông V sử dụng thửa đất, sửa chữa ô tô từ năm 2003 đến nay, không có ai ý kiến gì. Ngày 05/12/2022, UBND phường T kiểm tra và lập Biên bản vi phạm hành chính số 08/BB-VPHC đối với ông Trịnh Ngọc V về hành vi “Lấn, chiếm đất phi nông nghiệp (Khu đất công Lâm trường S (cũ) theo Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 và điều chỉnh tại Quyết định số 4007/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể mặt bằng phân lô khu đất công tại Lâm trường S (cũ)) với diện tích 43m²”. Ông V đề nghị đơn vị chức năng xác minh nguồn gốc và quá trình sử dụng đất để ông có thể tiếp tục sử dụng thửa đất nêu trên.

Ngày 26/12/2022, UBND thành phố Đ ban hành Thông báo số 790/TB-UBND về kết luận của Bí thư Thành ủy Đồng Xoài tại buổi tiếp ông Trịnh Ngọc V, trong đó: Giao UBND phường T chủ trì phối hợp với Phòng Quản lý đô thị, Phòng T2, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố, Chi nhánh Văn phòng Đ xem xét đề xuất hướng xử lý nội dung đơn đề nghị của ông V.

Ngày 06/01/2023, UBND phường T phối hợp với Phòng Quản lý đô thị, Phòng T2, Trung tâm P, Chi nhánh Văn phòng Đ kiểm tra, thu thập hồ sơ, xác minh nguồn gốc đất theo Đơn đề nghị của ông V.

Ngày 17/01/2023, UBND phường T có Báo cáo số 12/BC- UBND tham mưu đề xuất UBND phố Đồng Xoài hướng xử lý nội dung Đơn đề nghị của ông Trịnh Ngọc V.

Ngày 09/3/2023, UBND thành phố Đ ban hành Công văn số 550/UBND-TD ngày 09/3/2023, trong đó trả lời ông Trịnh Ngọc V cụ thể nội dung sau:

Thửa đất số 15 (lô A), Bản đồ khu lâm trường Suối Nhung (cũ) là thửa đất công nhà nước quản lý, năm 2020 được UBND thành phố Đ lập quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 phân lô Khu đất công tại Lâm trường S (cũ) tại Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 và điều chỉnh tại Quyết định số 4007/QĐ-UBND ngày 04/12/2020; khu đất được thành lập bản đồ địa chính, được Sở Tài nguyên và Môi trường nghiệm thu phê duyệt ngày 28/12/2020 và đã được bàn giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố quản lý.

Việc ông Trịnh Ngọc V đề nghị xác minh nguồn gốc và quá trình sử dụng đất để ông có thể tiếp tục sử dụng thửa đất nêu trên là không có cơ sở để giải quyết. Yêu cầu ông V chấp hành biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm hành chính tại Quyết định số 2781/QĐ-XPVPHC ngày 15/12/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Đ.

Căn cứ khoản 1 Điều 20 Thông tư số 05/2021/TT-TTCT ngày 01/10/2021

của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh quy định:

“1. Đơn kiến nghị, phản ánh về những nội dung thuộc trách nhiệm quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình thì người xử lý đơn báo cáo, đề xuất người đứng đầu giải quyết, trả lời theo quy định của pháp luật”.

Nội dung đề nghị của ông Trịnh Ngọc V thuộc đơn kiến nghị, phản ánh do đó, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Công văn số 550/UBND-TD ngày 09/3/2023 về việc trả lời ông Trịnh Ngọc V là đảm bảo về nội dung và hình thức theo quy định.

Từ những căn cứ nêu trên, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 2781/QĐ-XPVPHC ngày 15/12/2022 về việc xử phạt vi phạm hành chính và Công văn số 550/UBND-TD ngày 09/3/2023 về việc trả lời nội dung Đơn đề nghị của ông Trịnh Ngọc V là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Việc ông Trịnh Ngọc V yêu cầu tuyên hủy Quyết định và Công văn nêu trên là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước bác đơn khởi kiện của ông Trịnh Ngọc V.

Tại Văn bản số 112/QLĐT-NĐ ngày 26/3/2024 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng quản lý đô thị thành phố Đ trình bày:

Thửa đất số 15 (lô 01), bản đồ khu L (cũ) là thửa đất công nhà nước quản lý. Khu đất công tại Lâm trường S (cũ) được UBND thành phố Đ lập quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 phân lô khu đất công phê duyệt tại Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 và được điều chỉnh tại Quyết định số 4007/QĐ-UBND ngày 04/12/2020; khu đất được thành lập bản đồ địa chính, được Sở Tài nguyên và Môi trường nghiệm thu phê duyệt ngày 28/12/2020 và đã được bàn giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố quản lý.

Ngày 05/12/2022, phòng Quản lý đô thị thành phố phối hợp cùng UBND phường T kiểm tra công tác trật tự xây dựng trên địa bàn phát hiện ông Trịnh Ngọc V xây dựng công trình hàng rào (hiện trạng: Móng gạch, cột gạch (11 cột), tường xây gạch cao 1m; diện tích: $9,7m^2 + 25m^2 + 8,3m^2 = 43m^2$) trên thửa đất công nêu trên. Cùng ngày, UBND phường T đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính số 08/BB-VPHC đối với ông Trịnh Ngọc V về hành vi “Lấn, chiếm đất phi nông nghiệp (Khu đất công Lâm trường S (cũ) theo Quyết định số 4007/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 về việc điều chỉnh Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể mặt bằng phân lô khu đất công tại Lâm trường S (cũ)) với diện tích $43m^2$ ”.

Ngày 06/12/2022, UBND phường T có Tờ trình số 111/Ttr-UBND tham mưu UBND thành phố ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2781/QĐ-XPVPHC ngày 15/12/2022 đối với ông Trịnh Ngọc V về hành vi “Lấn, chiếm đất phi nông nghiệp (Khu đất công Lâm trường S (cũ) theo Quyết định số 4007/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 về việc điều chỉnh Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể mặt

bằng phân lô khu đất công tại Lâm trường S (cũ) với diện tích 43m² quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ, trong đó hình phạt chính: Phạt tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng); biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc ông Trịnh Ngọc V khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm (phá dỡ toàn bộ công trình diện tích 43m² xây dựng trên đất công) và buộc trả lại đất đã lấn, chiếm trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định xử phạt, quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

2. Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định số 2781/QĐ-XPVPHC ngày 15/12/2022 của Chủ tịch UBND thành phố về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trịnh Ngọc V:

Thửa đất số 15 (lô 1), bản đồ khu L (cũ) là thửa đất công, được UBND thành phố Đ lập quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 phân lô Khu đất công tại Lâm trường S (cũ) phê duyệt tại Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 và được điều chỉnh tại Quyết định số 4007/QĐ-UBND ngày 04/12/2020; khu đất được thành lập bản đồ địa chính, được Sở Tài nguyên và Môi trường nghiệm thu phê duyệt ngày 28/12/2020 và đã được bàn giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố quản lý. Việc ông Trịnh Ngọc V thực hiện hành vi xây dựng hàng rào tại thửa đất nêu trên là không đúng quy định, vi phạm điểm a khoản 4 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai.

Tại khoản 1 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được sửa đổi, bổ sung năm 2020, quy định: “Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính, trừ trường hợp xử phạt không lập biên bản quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật này.” và tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính, quy định: “Người có thẩm quyền đang thi hành công vụ, nhiệm vụ khi phát hiện vi phạm hành chính phải lập biên bản vi phạm hành chính.”. Do đó, ngày 05/12/2022 UBND phường T kiểm tra phát hiện ông Trịnh Ngọc V vi phạm hành chính và tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính số 08/BB-VPHC, Biên bản vi phạm hành chính được lập theo Mẫu biên bản số 01 theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ là đúng theo quy định.

Sau khi lập Biên bản vi phạm hành chính và thu thập hồ sơ, UBND phường T có Tờ trình số 111/TTr-UBND ngày 06/12/2022 đề nghị Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trịnh Ngọc V. Ngày 15/12/2022, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 2781/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trịnh Ngọc V.

Thời hạn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trịnh Ngọc V là đúng quy định tại Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 34 Điều 1 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm

2020.

Về thẩm quyền: Căn cứ khoản 5 Điều 14, khoản 2 Điều 38 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về đất đai; khoản 2 Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, điểm b khoản 73 Điều 1 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi, bổ sung năm 2020, quy định Chủ tịch UBND cấp huyện có thẩm quyền xử phạt đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân và 200.000.000 đồng đối với tổ chức. Do đó, hành vi vi phạm hành chính của ông Trịnh Ngọc V thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND thành phố Đ là đúng quy định.

Chủ tịch UBND thành phố Đ đã giao quyền xử phạt vi phạm hành chính cho Phó Chủ tịch UBND thành phố V (Quyết định giao quyền số 4826/QĐ-GQXP ngày 30/12/2021) là đúng quy định tại Điều 54 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 28 Điều 1 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020; Điều 10 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ. Từ các căn cứ nêu trên nên việc UBND phường T phát hiện hành vi vi phạm và kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính đồng thời trình cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trịnh Ngọc V là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định. Do đó việc ông Trịnh Ngọc V yêu cầu Tòa tuyên hủy Quyết định nêu trên là không có cơ sở, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Trịnh Ngọc V.

** Tại Văn bản số 64/UBND ngày 22/3/2024 và quá trình giải quyết vụ án, UBND phường T trình bày:*

Thửa đất số 15 (lô A), Bản đồ khu lâm trường Suối Nhung (cũ) là thửa đất công nhà nước quản lý, năm 2020 được UBND thành phố Đ lập quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 phân lô Khu đất công tại Lâm trường S (cũ) tại Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 và điều chỉnh tại Quyết định số 4007/QĐ-UBND ngày 04/12/2020; khu đất được thành lập bản đồ địa chính, được Sở Tài nguyên và Môi trường nghiệm thu phê duyệt ngày 28/12/2020 và đã được bàn giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố quản lý.

Ngày 05/12/2022 qua công tác kiểm tra trật tự xây dựng UBND phường T phối hợp cùng Phòng Q kiểm tra phát hiện công trình xây dựng hàng rào trên đất công Thửa đất số 15 (lô 1) thuộc khu L (cũ) do ông Trịnh Ngọc V làm chủ đầu tư. Hiện trạng: Móng gạch, cột gạch (11 cột), tường xây gạch cao 1m. Diện tích: $9,7m + 25m + 8,3m = 43m$.

Ngày 05/12/2022, UBND phường T đã lập biên bản vi phạm hành chính số 08/BB-VPHC đối với ông Trịnh Ngọc V về hành vi lấn chiếm đất phi nông nghiệp với diện tích $43m^2$ (Khu Đ (cũ) theo Quyết định số 4007/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 về việc điều chỉnh định số 1522/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể mặt bằng phân lô khu đất công tại Lâm trường S (cũ)).

Ngày 06/12/2022, UBND phường T có tờ trình số 111/Ttr- UBND tham mưu UBND thành phố ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số

2781/QĐ-XPVPHC ngày 15/12/2022 về hành vi lấn chiếm đất nghiệp với diện tích 43m² (Khu Đ (cũ) theo Quyết định phi nông số 4007/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 về việc điều chỉnh định số 1522/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể mặt bằng phân lô khu đất công tại Lâm trường S (cũ)) tại điểm a khoản 4 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ. Trong đó hình phạt chính: Phạt tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng); biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc ông Trịnh Ngọc V1 phải tự phá dỡ toàn bộ công trình diện tích 43m² (hành vi vi phạm đã kết thúc) trong thời gian 15 ngày, kể từ Điều 14 Nghị định từ ngày nhận được Quyết định xử phạt, quy định tại điểm a khoản 7 số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, căn cứ pháp lý lập Biên bản về xử phạt phạm hành chính đối với ông Trịnh Ngọc V:

Ông Trịnh Ngọc V1 thực hiện hành vi tổ chức thi công xây dựng hàng rào trên đất công thuộc khu L (cũ) với diện tích 43m² theo Quyết định số 4007/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 về việc điều chỉnh định số 1522/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể mặt bằng phân lô khu đất công tại Lâm trường S (cũ) đã vi phạm điểm a khoản 4 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về đất đai.

- UBND phường T phối hợp với Phòng Quản lý đô thị thành phố kiểm tra phát hiện ông Trịnh Ngọc V có hành vi vi phạm hành chính ngày 05/12/2022 và tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính số 08/BB-VPHC ngày 05/12/2022.

Về thẩm quyền: Căn cứ quy định tại Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020); Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai quy định tại các Điều 38 và 39 của Nghị định 91/2019/NĐ-CP: Công chức, viên chức được giao nhiệm vụ thực hiện thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai và hoạt động dịch vụ về đất đai. Biên bản vi phạm hành chính được lập theo Mẫu biên bản số 01 theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ.

- Sau khi lập Biên bản vi phạm hành chính và thu thập hồ sơ, UBND phường T có Tờ trình số 111/TTr-UBND ngày 06/12/2022 đề nghị Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trịnh Ngọc V. Ngày 15/12/2022, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 2781/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trịnh Ngọc V.

Thời hạn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trịnh Ngọc V là đúng quy định tại Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Khoản 34 Điều 1 Luật xử lý vi phạm hành chính sửa đổi, bổ sung năm 2020.

- Về thẩm quyền: Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 14 Nghị định số

91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về đất đai, khoản 2 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; điểm b khoản 73 Điều 1 Luật xử lý vi phạm hành chính sửa đổi, bổ sung năm 2020, quy định Chủ tịch UBND cấp huyện có thẩm quyền xử phạt đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân và 200.000.000 đồng đối với tổ chức. Do đó, hành vi vi phạm hành chính của ông Trịnh Ngọc V thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND thành phố Đ.

Chủ tịch UBND thành phố Đ đã giao quyền xử phạt vi phạm hành chính cho Phó Chủ tịch UBND thành phố V (Quyết định giao quyền số 4826/QĐ-GQXP ngày 30/12/2021) là đúng quy định tại Điều 54 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; khoản 28 Điều 1 Luật xử lý vi phạm hành chính sửa đổi, bổ sung năm 2020; Điều 10 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ.

Từ những căn cứ nêu trên, UBND phường T thống nhất việc Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 2781/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trịnh Ngọc V là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Việc ông Trịnh Ngọc V yêu cầu tuyên hủy Quyết định nêu trên là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Trịnh Ngọc V.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2024/HC-ST ngày 28/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước, đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 79; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193, điểm a khoản 1 Điều 358 Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ khoản 1 Điều 6; Điều 30; khoản 2 Điều 38; Điều 57; 58, khoản 1 Điều 66; 67; 68 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Điều 3, khoản 2 Điều 10; khoản 1 Điều 12 Luật đất đai năm 2013; khoản 1, khoản 2 Điều 3 điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai;

Căn cứ khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Ngọc V về việc yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2781/QĐ-XPVPHC ngày 15/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước và hủy văn bản số 550/UBND-TD ngày 09/3/2023 của UBND thành phố Đ, tỉnh Bình Phước..

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/9/2024, ông Trịnh Ngọc V kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện là ông Trịnh Ngọc V (có ông Trần Hồng T đại diện) giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính, không có vi phạm.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bác yêu cầu khởi kiện của ông V là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Trịnh Ngọc V làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 206 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện là đúng theo quy định tại Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung:

[1] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 2781/QĐ-XPVPHC ngày 15/12/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trịnh Ngọc V.

[1.2] Về thời hạn, thời hiệu, trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định:

Ngày 05/12/2022, UBND phường T phối hợp cùng Phòng Quản lý đô thị thành phố kiểm tra phát hiện ông V xây dựng công trình hàng rào trên diện tích 43m² thuộc đất công của UBND phường T tại thửa đất số 15 (lô 1), Bản đồ khu lâm trường S (cũ). Cùng ngày, UBND phường T đã lập biên bản vi phạm hành

chính số 08C đối với ông V về hành vi “*Lấn, chiếm đất phi nông nghiệp (Khu đất công Lâm trường S (cũ) theo Quyết định số 4007/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 về việc điều chỉnh Quyết định số 1522/QĐ- UBND ngày 08/6/2020 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể mặt bằng phân lô khu đất công tại Lâm trường S (cũ)) với diện tích 43m²*”.

Ngày 06/12/2022, UBND phường T có Tờ trình số 111/Ttr- UBND tham mưu UBND thành phố ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm của ông V.

Ngày 15/12/2022, UBND thành phố Đ ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2781/QĐ-XPVPHC đối với ông Trịnh Ngọc V về hành vi “*Lấn, chiếm đất phi nông nghiệp (Khu đất công Lâm trường S (cũ) theo Quyết định số 4007/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 về việc điều chỉnh Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể mặt bằng phân lô khu đất công tại Lâm trường S (cũ)) với diện tích 43m²*” theo quy định tại điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ; trong đó hình phạt chính: Phạt tiền 30.000.000 đồng; Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc ông V khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc ông V trả lại đất đã lấn, chiếm.

Theo đó, việc Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 2781 nêu trên là đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền và đúng thời hạn, thời hiệu ban hành quyết định xử phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 38, Điều 56, 57, 58, 66 Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

[1.2] Về nội dung của quyết định:

Tại Quyết định 2781 của Chủ tịch UBND thành phố Đ, quyết định xử phạt hành chính đối với ông V về hành vi xây dựng công trình hàng rào trên diện tích 43m² thuộc đất công của UBND phường T tại thửa đất số 15 (lô 1), Bản đồ khu lâm trường S (cũ). Ông V cho rằng công trình hàng rào ông xây dựng trên diện tích 43m² đất nêu tại biên bản vi phạm hành chính của UBND phường T lập ngày 05/12/2022 do ông V nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Khắc C1 vào năm 2003; Thấy rằng:

Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hồ sơ cấp phép xây dựng đối với thửa đất số 359, tờ bản đồ số 61, diện tích 1.267 m², tọa lạc tại phường T, thành phố Đ thể hiện:

Ngày 08/8/2003, ông Nguyễn Khắc C1 đã được UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ) cấp GCNQSDĐ số V 997424 với diện tích 1.267 m² thuộc thửa số 359, tờ bản đồ số 61, tọa lạc tại xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước. Ngày 08/10/2010, ông Nguyễn Khắc C1 và ông Trịnh Ngọc V ký kết hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ QSDĐ diện tích 1.267m² đất thuộc thửa 359, tờ bản đồ số 61 nêu trên, hợp đồng được công chứng số 509/quyển số 1 TP/CC-SCT/HDGD của UBND phường T, thị xã Đ. Đến ngày 24/11/2010, hộ ông Trịnh Ngọc V được UBND thị xã Đ cấp GCNQSDĐ số 3234/QSDĐ/8123/QĐ-UB đối với thửa đất số 359, tờ bản đồ số 61, diện tích 1.267m². Theo đó, từ khi

nhận chuyển nhượng và được cấp GCNQSDĐ với diện tích 1.267 m² thuộc thửa số 359, tờ bản đồ số 61 thì ông V không có bất kỳ khiếu nại hay yêu cầu gì về diện tích đất được cấp giấy chứng nhận.

Quá trình giải quyết vụ án ông Trịnh Ngọc V cho rằng ông nhận chuyển nhượng của ông C1 diện tích 2.500m² đất bằng giấy tay đề ngày 12/11/2003. Tuy nhiên, ngoài bản phôi tô giấy viết tay mua bán đất, ông V không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh ông C1 chuyển nhượng cho ông V diện tích 2.500m² quyền sử dụng đất. Mặt khác, giấy bán đất viết tay giữa ông V với ông C1 được lập ngày 12/11/2003 là sau thời điểm ông C1 được UBND thị xã Đ cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 1.267m² thuộc thửa đất số 359, tờ bản đồ số 61 nên việc ông V cho rằng ông C1 chuyển nhượng cho ông V diện tích 2.500m² đất nhiều hơn so với diện tích 1.267m² đất mà ông C1 được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất là không phù hợp với thực tế. Đồng thời như đã nêu trên, trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông C1 với ông V vào năm 2010, hộ ông V được cấp GCNQSDĐ với diện tích 1.267m² thì từ thời điểm năm 2010 đến thời điểm ông V khởi kiện ra Tòa án, hộ ông V không có bất kỳ ý kiến hay khiếu nại gì đến cơ quan có thẩm quyền về diện tích đất còn lại tại sao chưa được cấp giấy chứng nhận. Cho thấy, diện tích ông V nhận chuyển nhượng từ ông C1 là 1.267m² chứ không phải 2.500m² như ông V trình bày.

Ngoài ra, vào năm 2013, ông V có đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất và ngày 18/9/2013, hộ ông V được UBND thị xã Đ cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất với diện tích 100m² đất thổ cư thuộc thửa 359, tờ bản đồ 61. Năm 2014, ông V làm đơn đề nghị cấp phép xây dựng nhà ở và được Phòng Quản lý Đô thị thị xã Đ cấp phép xây dựng trên diện tích 100m² đất thổ cư thuộc thửa 359 tờ bản đồ 61; theo đó vị trí được phép xây dựng là diện tích căn nhà ở hiện nay; trên giấy phép không thể hiện có phép xây dựng đối với phần công trình xây dựng là hàng rào như ghi nhận tại Biên bản vi phạm hành chính.

Ông V cho rằng công trình tường rào xây dựng trên diện tích 43 m² nêu tại biên bản vi phạm hành chính được ông tôn tạo lại từ hàng rào cũ trước đây nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh; ngược lại theo hình ảnh hiện trạng nhà ông V tại thời điểm lập biên bản vi phạm do phía người bị kiện cung cấp thì hàng rào cũ nằm trên thửa đất số 359 thuộc quyền sử dụng của ông V, còn công trình hàng rào nêu tại biên bản vi phạm hành chính thuộc thửa đất số 15 (lô 1), Bản đồ khu lâm trường S (cũ). Quá trình giải quyết vụ án, ông V cũng thừa nhận ông V không được cơ quan có thẩm quyền cấp quyền sử dụng đất, cấp phép xây dựng đối với phần công trình xây dựng trên diện tích 43m² đất thuộc thửa số 15 (lô 1) nêu tại biên bản vi phạm hành chính ngày 05/12/2022.

Xét, thửa đất số 15 (lô 1), Bản đồ khu lâm trường Suối Nhung (cũ) là thửa đất công, được UBND thành phố Đ lập quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500

phân lô khu đất công tại Lâm trường S (cũ) theo Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 và được điều chỉnh tại Quyết định số 4007/QĐ-UBND ngày 04/12/2020; khu đất được lập bản đồ địa chính, có ranh giới bản đồ trích đo Lâm trường Suối Nhung cũ được Sở tài nguyên và môi trường thẩm định ngày 13/12/2019, được Sở T1 nghiệm thu phê duyệt theo Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 và đã được bàn giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố quản lý. Nên, việc ông Trịnh Ngọc V thực hiện hành vi xây dựng hàng rào trên diện tích 43 m² thuộc thửa đất số 15 (lô 1) mà không được cơ quan có thẩm quyền cho phép là hành vi lấn, chiếm đất vi phạm quy định tại Điều 12 Luật đất đai 2013; khoản 1, khoản 2 Điều 3, điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai.

Do đó, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 2781 xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trịnh Ngọc V về hành vi “*Lấn, chiếm đất phi nông nghiệp (Khu đất công Lâm trường S (cũ) theo Quyết định số 4007/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 về việc điều chỉnh Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể mặt bằng phân lô khu đất công tại Lâm trường S (cũ)) trên diện tích 43m²*”, với hình phạt chính: Phạt tiền 30.000.000 đồng và buộc ông V khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm để trả lại đất cho Nhà nước là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Đối với Văn bản số 550/UBND-TD ngày 09/3/2023 của UBND thành phố Đ có nội dung trả lời kiến nghị, phản ánh của ông Trịnh Ngọc V thì văn bản này không phải là quyết định hành chính mà chỉ là văn bản liên quan, có nội dung trả lời đề nghị của ông Trịnh Ngọc V. Việc Chủ tịch UBND thành phố ban hành Công văn số 550/UBND-TD ngày 09/3/2023 về việc trả lời ông Trịnh Ngọc V là đảm bảo về nội dung và hình thức theo quy định tại Thông tư số 05/2021/TT-TTCT ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh. Nên, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông V về việc yêu cầu hủy Công văn số 550/UBND-TD là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của ông Trịnh Ngọc V; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trịnh Ngọc V phải nộp 300.000 đồng theo Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; khoản 1, 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 79; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193, điểm a khoản 1 Điều 358 Luật tổ tụng hành chính; Căn cứ khoản 1 Điều 6; Điều 30; khoản 2 Điều 38; Điều 57; 58, khoản 1 Điều 66; 67; 68 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Điều 3, khoản 2 Điều 10; khoản 1 Điều 12 Luật đất đai năm 2013; Khoản 1, khoản 2 Điều 3 điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trịnh Ngọc V; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2024/HC-ST ngày 28/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Ngọc V về việc yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2781/QĐ-XPVPHC ngày 15/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước và hủy văn bản số 550/UBND-TD ngày 09/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trịnh Ngọc V phải nộp 300.000 đồng; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000056 ngày 23/9/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước.

4. Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tửu

Huỳnh Thanh Duyên

Lê Thị Tuyết Trinh

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự (6);
- Lưu VT (5), HS (2) 18b(BA- TMH).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tuyết Trinh